

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 và dự toán ngân sách năm 2022 của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CĐXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ công văn số 76/BXD-KHTC ngày 09/01/2023 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo công khai quyết toán ngân sách năm 2021 và dự toán ngân sách năm 2022;

Trên cơ sở số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 của trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Xây dựng giao và thẩm định;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Xây dựng thẩm định và phê duyệt cho đơn vị, chi tiết theo các biểu đính kèm.




**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Tài chính Kế toán và Trưởng các đơn vị trực thuộc trường liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (Để báo cáo)
- HT, PHT, CTHĐT (Để báo cáo)
- Trung tâm TT-TV (Để công khai)
- Các đơn vị trực thuộc trường
- Lưu: VT, TCKT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Ths. Nguyễn Bá Khiêm**



Đơn vị: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 52/QĐ-CĐXD ngày 13/01/2023 của trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	Phí ...				
	Phí ...				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>19.761,6</b>	<b>19.761,6</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>19.111,6</b>	<b>19.111,6</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>19.111,6</b>	<b>19.112</b>	<b>0</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.221,1	18.221,1	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	890,5	890,5	0	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				

